

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 31A/2023/HS-ST

Ngày 18/4/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG - TỈNH HƯNG YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Điệp

Bà Phan Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/TLST-HS ngày 06/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 04/4/2023 đối với:

*** Các Bị cáo:**

1. Họ và tên: Hà Quang H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991 tại thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; HKTT: Khu phố F, C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hà Văn Đ, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960; Vợ: Đỗ Phương n, sinh năm: 1991; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2022 đến ngày 07/10/2022 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Họ và tên: Nguyễn Đình P; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1979 tại huyện L, tỉnh Bắc Ninh; HKTT/Nơi cư trú: Thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Đình D, sinh năm: 1948 và bà Phạm Thị C, sinh năm: 1949; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2022 đến ngày 07/10/2022 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Họ và tên: Đồng Đức H1; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1977 tại huyện K, tỉnh Hải Dương; HKTT/Nơi cư trú: P1118, CT8C khu đô thị Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Đồng Văn C1, sinh năm: 1947 và bà Phạm Thị N1, sinh năm: 1949; Vợ: Trịnh Thị Tuyết N2, sinh năm: 1984; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/10/2022 đến ngày 07/10/2022 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo H1:**

Các luật sư: Vũ Văn T, Nguyễn Thị Kim A và Hoàng Kim T1 - Luật sư Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Phòng A, Tòa M, số I N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

(Có mặt ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị Kim A; Vắng mặt bà Hoàng Kim T1)

*** Bị hại:** Công ty Cổ phần Đ2

Địa chỉ trụ sở chính: Số E ngõ H phố H, phường T, quận T, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Kim Đức T2 - Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H2, sinh năm: 1986

Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình xây dựng Dự án khu đô thị D, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Xóm A, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội

(Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty cổ phần K ME

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Xóm N, thôn Y, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1988

Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đỗ Mạnh C2, sinh năm: 1991

HKTT: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số nhà C, ngõ A, phố C, phường T, quận N, thành phố Hà Nội

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật của Công ty cổ phần K.

(Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Lập M, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội

3. Bà Phạm Thị N1, sinh năm: 1949 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Bắc Thắng, xã Liên Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Ninh

5. Chị Đỗ Phương N3, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà B, C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh

*** Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Văn M1, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam

2. Anh Đinh Văn T3, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên

3. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên

4. Anh Trịnh Quang P1, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V3, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

5. Anh Vũ Văn N4, sinh năm: 2001 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Đ2 (viết tắt là công ty Đ2) có trụ sở tại ngõ E, phố H, phường T, Hà Nội nhận thi công công trình xây dựng tại khu đô thị S thuộc xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Ngày 15/7/2022, Công ty Đ2 ký hợp đồng giao khoán cho Công ty Cổ phần K (gọi tắt là công ty K) có địa chỉ Xóm N, Y, T, M, Hà Nội thực hiện lắp đặt, đấu nối tủ điện tại khu đô thị S (gọi tắt là Dream C3). Theo thỏa thuận giữa hai bên thì công ty K có trách nhiệm thu gom các đoạn dây cáp điện thừa sau khi đấu nối trong ngày làm việc để trả về kho của công ty Đ2 đặt trong công trường Dream City . Khoảng tháng 8/2022, anh Đỗ Mạnh C2 là cán bộ kỹ thuật của công ty K thuê anh Nguyễn Lập M, sinh năm 1987 ở huyện T, TP Hà Nội để kéo cáp, lắp đặt, đấu nối tủ điện tại D Anh C2 và anh M cũng thống nhất sau khi hoàn tất công việc, anh M có trách nhiệm thu gom các đoạn dây cáp điện thừa để trả về kho của công ty Đ2. Ngày 01/10/2022, anh M thuê Hà Quang H sinh năm 1991, HKTT khu phố F, phường Đ, Tp ., tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Đình P sinh năm 1979, HKTT thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và Đồng Văn H4 sinh năm 1977, HKTT khu đô thị Đ, Tả Thanh O, Hà Nội (đều là công nhân có nhu cầu về việc làm tại D) để lắp đặt, đấu nối tủ điện tại lô P26 và lô P28 Dream City . Sau khi thực hiện xong thì H, P, H4 phải thông báo lại cho anh

M biết, để anh M đến kiểm tra kết quả đấu nối và thu gom vật tư thừa mang về trả tại kho của công ty Đ2.

Sáng ngày 02/10/2022, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande Nozza màu xám, biển số 12V1 - 077.32, H4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu trắng - đen, biển số 34B2 - 213.75 và P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng, biển số 99K1-138.96 đến khu biệt thự liền kề tại các lô P26 và lô P28 để làm thi gấp anh Đinh Văn T4, sinh năm 1989, HKTT: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên là giám sát kỹ thuật của công ty Đ2 ở đó. Anh T4 dẫn H, P và H4 đến đấu nối tủ điện ký hiệu TĐ/E04-4 lô 26 và TĐ/E02-2 lô 28. Khoảng 08 giờ cùng ngày, H cùng P và H4 bắt đầu làm việc tại tủ điện ký hiệu TĐ/E04-4. Sau khi đưa tủ điện vào vị trí lắp đặt thì H ở lại khoan, bắt vít cố định tủ lại, còn P và H4 thì chuyển sang vị trí tủ điện TĐ/E02-2 để lắp đặt tiếp. Sau khi cố định tủ điện ký hiệu TĐ/E04-4 xong, H đi sang tủ điện ký hiệu TĐ/E02-2 khoan lắp cố định tủ điện rồi cùng H4 thực hiện đấu nối các dây cáp điện đã được để chờ sẵn, còn P điều khiển xe mô tô của P quay lại tủ điện ký hiệu TĐ/E04-4 đấu nối các dây cáp điện cũng được để chờ sẵn vào tủ điện. H và H4 đấu nối các dây cáp điện vỏ nhựa màu đen, lõi đồng loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC, kích cỡ 1C x 300mm và 1C x 95mm. Còn Phương đấu nối các dây cáp điện vỏ nhựa màu đen, lõi đồng loại CU/XLPE/PVC, kích cỡ 1C x 150mm. Do dây cáp điện chờ dài hơn điểm đấu nối nên H, P, H4 cắt dần dây cáp điện cho đến khi vừa tới điểm đấu nối của tủ điện thì thôi. Cắt được khoảng 10 đoạn (có chiều dài khoảng 14cm - 46cm) thì H và H4 lại cầm cho vào bao tải dựa màu trắng do H nhặt ở ven đường. Đến khi đấu nối xong, thì H và H4 cắt được 43 đoạn dây cáp loại 1C x 300mm và 09 đoạn dây cáp loại 1C x 95mm (có chiều dài khoảng 14cm - 46cm). Khoảng 12 giờ cùng ngày, Phương đấu nối xong tủ điện TĐ/E04-4 thì gom được 60 đoạn dây cáp điện thừa loại 1C x 150mm (có chiều dài khoảng 14cm - 46cm) để lên khung xe mô tô biển số 99K1 - 138.96 rồi đi đến chỗ H4 và H. Lúc này, H và H4 cũng vừa thi công xong, các đoạn dây cáp thừa đã được cho vào bao tải. H quan sát xung quanh thấy không có ai ở đó nên nảy sinh ý định mang các đoạn cáp thừa đi bán. H rủ H4 và P: *“Trưa vắng người, anh em mình mang các đoạn dây cáp thừa đi bán, không trả về kho nữa”*, thì tất cả đều đồng ý. H dùng hai tay bê bao tải dựa màu trắng đựng các đoạn dây cáp điện do H và H4 đã cắt được cho vào trong cốp xe mô tô biển số 12V1 - 077.32. P bê các đoạn dây cáp điện ở khung xe của P cho vào cốp xe của P, để tránh sự phát hiện trên đường di chuyển. Xe của H4 do không có cốp nên không thể cho các đoạn dây cáp điện vào được. H4 cầm túi đồ đựng 2 kéo cắt cáp để ở vị trí khung xe. Sau đó H điều khiển xe mô tô biển số 12V1 - 077.32, P điều khiển xe mô tô biển số 99K1 - 138.96, H4 điều khiển xe mô tô biển số 34B2 - 213.75 cùng đi ra ngoài công trường để tìm chỗ bán các đoạn dây cáp điện vừa lấy được. Khi đi đến chốt bảo vệ công C1, D thì nhân viên bảo vệ là anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1990, HKTT ở Thôn P, xã L, huyện V và anh Vũ Văn N4, sinh năm 2001, HKTT ở Thôn N, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên yêu cầu dừng lại để kiểm tra, thì phát hiện bên trong cốp 2 xe mô tô của H3 và P cất giấu các đoạn dây cáp điện như nêu ở trên nên đã trình báo Công an xã N. Công an xã N đã lập biên bản vụ việc, thu giữ 3 chiếc xe mô tô, 1 vỏ

bao tải dứa và 112 đoạn dây cáp điện có đặc điểm như trên. Sau khi bị phát hiện, cả 3 đối tượng đều thừa nhận số đoạn dây cáp điện trên là của công ty Đ2 và cùng mang ra khỏi công trường mục đích là để bán lấy tiền chia nhau. Cùng ngày, anh Lê Văn H2 là Chỉ huy trưởng của công ty Đ2 có đơn trình báo với Công an xã N về việc H3, H4, P đã lấy các đoạn dây cáp điện thừa, mang ra ngoài công trường để bán.

Ngày 05/10/2022, Công an xã N đã bàn giao hồ sơ vụ việc cùng vật chứng và các phương tiện có liên quan cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V đã tiến hành định giá và kết luận: 43 đoạn dây cáp, loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1C x 300mm có chiều dài từ 14cm đến 46 cm, 09 đoạn dây cáp, loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1C x 95mm có chiều dài từ 14cm đến 46 cm, 60 đoạn dây cáp, loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1C x 150mm có chiều dài từ 14cm đến 46 cm có tổng khối lượng cân tịnh là 86kg, trị giá là 12.900.000đ.

Ngày 08/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại các đoạn dây cáp điện nói trên cho Công ty Đ2. Đại diện công ty Đ2 là anh Lê Văn H2 đã nhận lại tài sản, không đề nghị gì.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 99K1-138.96 là tài sản chung của Nguyễn Đình P và vợ là Nguyễn Thị N. Chiếc xe mô tô biển số 34B2- 213.75 là của mẹ H4 tên là Phạm Thị N1 đã cho H4 mượn để làm phương tiện đi lại. Chiếc xe mô tô biển số 12V1- 077.32 là tài sản riêng của vợ H3 tên là Đỗ Phương N3. Chị Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1, chị Đỗ Phương N3 đều không biết các bị cáo sử dụng phương tiện vào việc phạm tội và đều đề nghị được xin lại xe để làm phương tiện đi lại.

Về vật chứng của vụ án chưa xử lý: 01 kéo cắt cáp có cán màu trắng, 01 kéo cắt cáp có cán màu vàng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future biển số 34B2-213.75, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande Mozza, biển số 12V1- 077.32; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 99K1- 138.96 và 1 vỏ bao tải dứa màu trắng.

Quá trình điều tra, các bị cáo H3, P và H4 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSVG ngày 03/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Hà Quang H, Nguyễn Đình P, Đồng Đức H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt và trả lại các bị cáo 01 kéo cắt cáp có cán màu trắng, 01 kéo cắt cáp có cán màu vàng, các bị cáo thống nhất để bị cáo H đại diện nhận tài sản này. Bị cáo Nguyễn Đình P đề nghị

HĐXX trả lại bị cáo xe mô tô biển số 99K1-138.96 vì đây là tài sản chung của Nguyễn Đình P và vợ là Nguyễn Thị N.

- Người bào chữa cho bị cáo Đồng Đức H1 trình bày: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo H1. Đề nghị HĐXX miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo H1 theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự vì: Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo còn là lao động chính trong gia đình, thời điểm phạm tội, gia đình bị cáo gặp khó khăn do dịch bệnh C4 - 19. Về vật chứng: Đề nghị HĐXX trả lại bà N1 là mẹ bị cáo H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu trắng-đen, biển số 34B2-213.75; trả lại các bị cáo 02 kéo cắt cỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo Hà Quang H, Nguyễn Đình P, Đồng Đức H1 phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**. Xử phạt bị cáo Hà Quang H từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P từ 09 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 20 tháng; Xử phạt bị cáo Đồng Đức H1 từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại bà Phạm Thị N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu trắng-đen, biển số 34B2-213.75; Trả lại chị Đỗ Phương N3 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande Mozza, màu xám, biển số 12V1-077.32; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước ½ giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng, biển số 99K1- 138.96, ½ giá trị còn lại của chiếc xe trả lại chị Nguyễn Thị N; Tịch thu cho tiêu hủy 01 vỏ bao tải dứa màu trắng; Trả lại các bị cáo 01 kéo cắt cỏ có cán màu trắng, 01 kéo cắt cỏ có cán màu vàng.

Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đồng Đức H1 của người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận vì khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự chỉ nêu có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo H1 phạm tội do lỗi cố

ý, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy hành vi của bị cáo tiềm ẩn nguy cơ tội phạm cho xã hội.

Đối với yêu cầu trả lại xe mô tô biển số 99K1-138.96 của bị cáo P: Bị cáo đã dùng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên căn cứ điều 46, 47 Bộ luật hình sự, không chấp nhận yêu cầu này của bị cáo, chỉ có thể xem xét trả lại ½ giá trị chiếc xe cho chị N (vợ bị cáo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật.

- Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Quá trình điều tra và qua thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX đã xác định Công ty cổ phần K và anh Nguyễn Lập M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đưa họ tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với đơn đề nghị và lời khai của đại diện Bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo qui định của pháp luật. Do đó HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 02/10/2022, tại khu đô thị S thuộc xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Hà Quang H, Nguyễn Đình P, Đồng Đức H1 đã lợi dụng sự sơ hở của người quản lý lén lút trộm cắp 112 đoạn dây cáp điện có chiều dài từ khoảng 14cm - 46cm gồm: 43 đoạn dây cáp, loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1C x 300mm, 09 đoạn dây cáp, loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1C x 95mm, 60 đoạn dây cáp, loại 0.6/1kV Cu/XLPE/PVC 1C x 150mm có tổng khối lượng là 86kg, trị giá là 12.900.000đ để bán lấy tiền. Sau khi thống nhất việc trộm cắp tài sản, các bị cáo đã cho các đoạn dây cáp

điện vào trong cốp xe của H và P rồi di chuyển đến chốt bảo vệ cổng C1 công trường Khu đô thị S thì bị phát hiện. Như vậy, các bị cáo đã giấu được tài sản và di chuyển chúng khỏi vị trí ban đầu. Chốt bảo vệ C1 là của cả công trình D, không phải của bị hại là Công ty Đ2 nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án và xét yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự của Người bào chữa cho bị cáo H1: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của pháp nhân là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến uy tín của cá nhân, pháp nhân có liên quan. Do đó, HĐXX thấy cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình để giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung, không chấp nhận đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo H1 của Người bào chữa.

[4]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, vì lòng tham nên các bị cáo nảy sinh ý định và rủ nhau trộm cắp tài sản, không có sự chuẩn bị, phân công chặt chẽ nhiệm vụ giữa các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H là người khởi sự, rủ bị cáo P, H1 trộm cắp tài sản và là người thực hành tích cực. Sau H là P, khi H khởi sự, P đồng ý và tham gia tích cực vào việc trộm cắp tài sản. Giữ vai trò thứ 3 trong vụ án là H1, H1 đồng ý cùng H, P trộm cắp tài sản, đã tự hiểu là sau khi bán được tài sản sẽ chia nhau.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại; Bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Bị cáo H có bố để được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và Bằng khen của Bộ Q, bị cáo P có bố để được tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất và là thương binh loại A, 4/4, 25%, bị cáo H1 có bố để được tặng Huy chương nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[6]. Về hình phạt chính: HĐXX thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội vì nhất thời nảy sinh lòng tham nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị

cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, góp phần phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại là ông Lê Văn H2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[9]. Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu trắng-đen, biển số 34B2-213.75 xác định là của bà Phạm Thị N1 (mẹ của bị cáo Đồng Đức H1), H1 không dùng xe vào việc phạm tội nên trả lại bà N1 chiếc xe này.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande Mozza, màu xám, biển số 12V1-077.32 được xác định là tài sản riêng của chị Đỗ Phương N3 (vợ bị cáo Hà Quang H). Chị N3 mua xe từ năm 2014, trước khi anh chị đăng ký kết hôn. Chị N3 không biết H dùng xe vào việc trộm cắp tài sản nên trả lại chị N3 chiếc xe này.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng, biển số 99K1- 138.96 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên không chấp nhận đề nghị trả lại toàn bộ chiếc xe này của bị cáo P. Đây là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Đình P và vợ là Nguyễn Thị N, chị N không biết P dùng xe vào việc trộm cắp tài sản nên cần tịch thu cho mất mại sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe này, $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trả lại chị Nguyễn Thị N.

- 1 vỏ bao tải dừa màu trắng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

- 01 kéo cắt cáp có cán màu trắng, 01 kéo cắt cáp có cán màu vàng không liên quan trực tiếp đến việc phạm tội, đây là tài sản chung của ba bị cáo nên cần trả lại các bị cáo. Chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo để bị cáo Hà Quang H đại diện cho các bị cáo nhận các tài sản này.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

[11]. Các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị N1, chị Đỗ Phương N3 đều không biết các bị cáo dùng xe mô tô của mình vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51;

khoản 1,2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hà Quang H, Nguyễn Đình P, Đồng Đức H1.

- Điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự;
- Khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Hà Quang H, Nguyễn Đình P, Đồng Đức H1 phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*.

3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hà Quang H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hà Quang H cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Đình P cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đồng Đức H1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đồng Đức H1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại bà Phạm Thị N1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu trắng-đen, biển số 34B2-213.75, số máy: JC35E-0168531, số khung: RLHC35096Y060566, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại chị Đỗ Phương N3 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Grande Mozza, màu xám, biển số 12V1-077.32, số máy: E3N4E-044064, số khung: RLCSE761X044049, xe đã qua sử dụng.

- Tịch thu cho phát mại sung quỹ nhà nước ½ giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng, biển số 99K1- 138.96, số máy: JF46E-6005824, số khung: RLHJF4617EZ00679, xe đã qua sử dụng, ½ giá trị còn lại của chiếc xe trả lại chỉ Nguyễn Thị N.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 vỏ bao tải dừa màu trắng, đã qua sử dụng.

- Trả lại các bị cáo Hà Quang H, Nguyễn Đình P, Đồng Đức H1 01 kéo cắt cỏ có cán màu trắng, 01 kéo cắt cỏ có cán màu vàng. Bị cáo Hà Quang H đại diện cho các bị cáo nhận các tài sản này.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang)

6. Về án phí: Buộc các bị cáo Hà Quang H, Nguyễn Đình P, Đồng Đức H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang.
- Công an huyện Văn Giang.
- Chi cục T.H.A.DS huyện Văn Giang.
- Các bị cáo; Người bào chữa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Miện